TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HC-PT
Ngày: 05/01/2024
V/v: "*Khiếu kiện hành vi hành chính của Sở L".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực

Ông Nguyễn Vũ Đông.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 737/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 11 năm 2023 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính của Sở L", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14498/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1941. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Bà Nguyễn Thị Thu H - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Sở L tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn L - Chức vụ: Phó Giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số: 359/GUQ-SLĐTBXH lập ngày 16/3/2023). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện ông Nguyễn Đình T trình bày có nội dung được tóm tắt như sau:*

Năm 1957, do ông T đã học lớp 6/10 nên được T1 xóm M, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái cử dạy lớp xóa mù chữ cho người dân trong xóm. Lớp học chỉ có từ 6 đến 7 học sinh nên ông T không được hưởng lương mà chỉ được các học sinh trả học phí bằng thóc. Ông T dạy lớp xóa mù chữ tại xóm M đến năm 1960 thì được Ban Văn hóa giáo dục thuộc Ủy ban hành chính huyện Y có quyết định chuyển lên dạy học tại Trường cấp I, xã T, huyện Y. Ông T được hưởng lương với mức 39 đồng/tháng (tính chẵn). Đến năm 1961, ông T được cử đi học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ dạy học, học tập trung trong thời gian 06 tháng. Sau khi học xong (tháng 9/1961) ông T trở lại Trường cấp I, xã T tiếp tục dạy học đến hết năm 1962. Từ ngày 01/01/1963 đến tháng 12/1966 ông T dạy tại Trường cấp I, Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Từ tháng 01/1967 đến tháng 8/1969, ông T dạy tại Trường cấp I xã C3, huyện H, tỉnh Vĩnh Phú. Từ tháng 9/1969 đến tháng 5/1975, ông T dạy tại Trường cấp I xã C3, huyện H, tỉnh Vĩnh Phú.

Do không đủ thị lực để tiếp tục làm việc nên ngày 02/7/1975 ông T được Ty Thương binh Xã hội tỉnh V cho thôi việc kể từ ngày 01/8/1975. Theo Quyết định số 437/HXH của Ty Thương binh Xã hội tỉnh Vĩnh Phú thì ông T có 12 năm 7 tháng công tác liên tục (từ tháng 01/1963 đến tháng 5/1975) và được hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng từ ngày 01/8/1975 đến ngày 31/3/1982 với mức trợ cấp khoảng 21 đồng/tháng.

Sau khi hết thời gian nhận trợ cấp mất sức, ông T không có ý kiến gì. Đến năm 2010, qua phương tiện thông tin đại chúng, ông T biết Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số: 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010, theo đó nếu kê khai đủ thời gian công tác (18 năm 7 tháng) thì ông T thuộc diện được hưởng trợ cấp mất sức vĩnh viễn. Ông T đã làm đơn gửi Sở L tỉnh Yên Bái đề nghị tìm lại Quyết định tuyển dụng (bản chính) về việc ông T được phân công dạy học tại Trường cấp I xã C3, huyện Y từ năm 1960 đến năm 1962 do Ủy ban hành chính huyện Y cấp. Tại Công văn số 533/LĐTBXH-LĐTL ngày 20/7/2011 của Sở L tỉnh Yên Bái có nội dung: Hồ sơ gốc của ông T đã bị mất do hỏa hoạn tại Kho lưu trữ của Ty Thương binh xã hội H5 vào năm 1978 nên chỉ còn bản sao. Ông T đề nghị Sở L tỉnh Yên Bái cấp cho ông bản sao nhưng đến ngày 15/8/2019 thực hiện Công văn số 1960 ngày 23/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, Sở L tỉnh Yên Bái mới tổ chức đối thoại với ông T và không khôi phục lại hồ sơ gốc cho ông T để bổ sung thời gian công tác và tính hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội.

Vì vậy, ông T khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Buộc Sở L tỉnh Yên Bái khôi phục lại Quyết định tuyển dụng (bản chính) về việc ông T

được phân công dạy học tại Trường cấp I xã C3, huyện Y do Ủy ban hành chính huyện Y cấp năm 1960.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông T đã giao nộp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ sau:

+ Bản phô tô giấy chứng nhận khám sức khỏe ngày 10/4/1975 của Hội đồng giám định y khoa tỉnh Vĩnh Phú đối với ông Nguyễn Đình T được Ty Thương binh và Xã hội tỉnh Hoàng Liên Sơn sao y bản chính vào ngày 27/4/1977 và được BHXH tỉnh Yên Bái sao lục vào ngày 20/9/2010 (Bút lục số 18);

+ Bản phô tô Biên bản Hội đồng Y khoa số: 89/HĐYK ngày 12/4/1975 của Hội đồng giám định y khoa tỉnh Vĩnh Phú (BL 14);

+ Bản phô tô Phiếu cá nhân của công nhân viên chức về thôi việc vì mất sức lao động do ông T viết và ký tên ngày 08/5/1975 (BL 15, 19);

+ Bản phô tô giấy chứng nhận thời gian nghỉ của cán bộ, giáo viên do ông Nguyễn Đình N - Phó trưởng phòng giáo dục huyện H viết ngày 16/6/1975 (BL 16);

+ Bản phô tô Quyết định số: 437/HXH ngày 02/7/1975 của Ty Thương binh xã hội tỉnh V (BL 13, 17);

+ Bản phô tô Phiếu lĩnh tiền trợ cấp mất sức lao động C.N.V.C ngày 31/4/1982 của Ty Thương binh và Xã hội tỉnh Hoàng Liên Sơn cấp cho ông T (BL 117);

+ Bản phô tô Chứng nhận ông Nguyễn Đình T đã được thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì số 60 ngày 14/11/1999 của V1 (BL 116);

+ Bản phô tô đơn xin hưởng trợ cấp xã hội gửi BHXH tỉnh Yên Bái; Sở TBXH tỉnh Yên Bái và BHXH huyện Y do ông T viết ngày 06/01/2010. Trong đơn có xác nhận của ông Phạm Minh S1 và ông Nguyễn H1 (BL 59);

+ Bản phô tô đơn xin hưởng trợ cấp xã hội gửi BHXH tỉnh Phú Thọ do ông T viết ngày 10/9/2010. Trong đơn có xác nhận của ông Nguyễn Văn S2, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Quyết C, ông Lương Kim C1, ông Lương Đình T3, ông Hoàng S3, ông Nguyễn Công T4 (BL từ 09 đến 11);

+ Bản phô tô Công văn số: 533/LĐTBXH-LĐTL ngày 20/7/2011 của Sở L tỉnh Yên Bái về việc trả lời đơn đề nghị của ông Nguyễn Đình T (BL 04);

+ Bản phô tô báo cáo số: 190/BC-UBND ngày 29/8/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Y về kết quả kiểm tra, xác minh thời gian công tác của ông Nguyễn Đình T trú tại thôn 5, xã T, huyện Y (BL 99);

+ Bản phô tô Văn bản số: 1438/UBND-TCD ngày 06/7/2015 của UBND tỉnh Yên Bái về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Đình T (BL 98);

+ Bản phô tô Công văn số: 634/LĐTBXH-TTr ngày 20/6/2018 của Sở L

tỉnh Yên Bái về việc trả lời đơn của ông T (BL 109);

+ Bản phô tô công văn số: 1960/UB ND-TCD ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh Yên Bái gửi Sở L tỉnh Yên Bái về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Đình T (BL 05);

+ Bản sao biên bản đối thoại do Thanh tra Sở L tỉnh Yên Bái lập ngày 15/8/2019 (BL 06, 07);

+ Bản phô tô Công văn số: 204/LT-HSHBHXH ngày 16/8/2019 của Trung tâm L3 về việc sao lục hồ sơ của ông Nguyễn Đình T (BL 12);

+ Bản phô tô Công văn số: 20/LĐTBXH - BHXH ngày 03/01/2020 của Bộ L4 trả lời Sở L tỉnh Yên Bái về việc xin ý kiến giải quyết chế độ mất sức lao động đối với ông Nguyễn Đình T (BL 118);

+ Bản sao Công văn số: 46/SLĐTBXH-TTr ngày 20/01/2020 của Sở L tỉnh Yên Bái về việc trả lời đơn đề nghị của ông T (BL 08);

+ Bản phô tô Bản khai người hoạt động kháng chiến do ông T viết ngày 20/12/2000, có xác nhận của ông Mã Tiến H2 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y vào ngày 03/5/2000, có nội dung: Ông Nguyễn Đình T tham gia kháng chiến từ tháng 7/1958. Căn cứ hồ sơ lý lịch khen thưởng đang quản lý tại huyện Y chứng nhận ông Nguyễn Đình T có 16 năm 9 tháng hoạt động kháng chiến được khen thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Tại phần khai quá trình tham gia hoạt động cách mạng, ông T khai: Từ năm 1958 đến năm 1960 làm giáo viên bình dân học vụ tại xã T (Thủ trưởng trực tiếp là ông Phí Ngọc C2 – Chủ tịch xã). Từ tháng 9/1961 đến tháng 3/1975 làm giáo viên phổ thông xã Đ, H, Phú Thọ (Thủ trưởng trực tiếp là ông Bùi X - Trưởng phòng Giáo dục) có xác nhận của ông Lê Xuân H3 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (BL 114, 115);

+ Bản chính Thông báo số: 12/TB-TCD ngày 20/9/2022 của Ban Tiếp công dân Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về Kết luận ngày tiếp công dân định kỳ tháng 9/2022. Kèm theo Thông báo trên là Kết quả tiếp công dân của Chủ tịch UBND tỉnh Yên Bái có nội dung: Giao Sở L rà soát kỹ lưỡng vụ việc, đối chiếu với quy định của pháp luật để hướng dẫn, trả lời, giải thích cho ông T hiểu và chấp hành (BL 20, 21).

** Tại văn bản đề ngày 31/3/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (ông Lê Văn L) trình bày có nội dung được tóm tắt như sau:*

Ông T được hưởng chế độ mất sức lao động từ năm 1975 theo Quyết định của Ty Thương binh xã hội tỉnh Vĩnh Phú.

Hồ sơ của ông T có: 04 bản chính lập năm 1975 đang lưu tại Trung tâm L5; 04 bản sao ngày 27/4/1977 và 02 bản chính phát sinh năm 1982 được lưu

giữ tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái.

Năm 1975, Ty Thương binh xã hội tỉnh Yên Bái không phải là cơ quan nhận hồ sơ của ông T nên hồ sơ của ông T không bị cháy tại kho lưu trữ của Ty Thương binh xã hội tỉnh Hoàng Liên Sơn năm 1978. Việc ông T khởi kiện Sở L tỉnh Yên Bái làm mất hồ sơ lao động và yêu cầu hoàn thiện hồ sơ của ông T là không có căn cứ.

Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình T.

* Sở L tỉnh Yên Bái đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau:

+ Bản phô tô Biên bản Hội đồng Y khoa số: 89/HĐYK ngày 12/4/1975 của Hội đồng giám định y khoa tỉnh Vĩnh Phú (BL 76);

+ Bản phô tô Phiếu cá nhân của công nhân viên chức về thôi việc vì mất sức lao động do ông T viết và ký tên ngày 08/5/1975 (BL 77, 78);

+ Bản phô tô giấy chứng nhận thời gian nghỉ của cán bộ, giáo viên do ông Nguyễn Đình N - Phó trưởng phòng giáo dục huyện H viết ngày 16/6/1975 (BL 79);

+ Bản phô tô Quyết định số: 437/HXH ngày 02/7/1975 của Ty Thương binh xã hội tỉnh V (BL 75);

+ Bản phô tô Quyết định số: 154/QĐ-HC-MS ngày 10/2/1982 của Ty Thương binh xã hội tỉnh Hoàng Liên Sơn về việc ngừng trợ cấp và thu hồi Sổ trợ cấp mất sức lao động của ông T (BL 123);

+ Bản phô tô Công văn số: 137/ LĐTBXH-LĐTL ngày 21/3/2011 của Sở L tỉnh Yên Bái gửi UBND tỉnh Yên Bái về trường hợp của ông T (BL 91);

+ Bản phô tô Công văn số: 295/LĐTBXH-LĐTL ngày 05/5/2011 của Sở L tỉnh Yên Bái về việc trả lời đơn đề nghị của ông T (BL 90);

+ Bản phô tô Công văn số: 533/LĐTBXH-LĐTL ngày 20/7/2011 của Sở L tỉnh Yên Bái về việc trả lời đơn đề nghị của ông Nguyễn Đình T (BL 70);

+ Bản phô tô Công văn số: 590/LĐTBXH-LĐTL ngày 08/8/2011 của Sở L tỉnh Yên Bái về việc trả lời đơn khiếu nại của ông T (BL 89);

+ Bản phô tô đơn xin hưởng trợ cấp mất sức lao động gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái do ông T viết ngày 15/12/2011 (BL 88);

+ Bản phô tô báo cáo số: 190/BC-UBND ngày 29/8/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Y về kết quả kiểm tra, xác minh thời gian công tác của ông Nguyễn Đình T trú tại thôn 5, xã T, huyện Y (BL 87);

+ Bản phô tô Văn bản số: 1438/UBND-TCD ngày 06/7/2015 của UBND tỉnh Yên Bái về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Đình T (BL 86);

+ Bản phô tô đơn của ông T gửi Bí thư tỉnh ủy tỉnh Yên Bái Phạm Thị Thanh T5 viết ngày 15/7/2019 (BL 82);

+ Bản phô tô Công văn số: 272/CV/VPTU ngày 22/7/2019 của Văn phòng tỉnh ủy Yên Bái gửi ông Dương Văn T6 – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Yên Bái về việc chuyển đơn của ông Nguyễn Đình T (BL 81);

+ Bản phô tô công văn số: 1960/UBND-TCD ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh Yên Bái gửi Sở L tỉnh Yên Bái về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Đình T (BL 80);

+ Bản phô tô biên bản làm việc tại gia đình ông Cao Ngọc K (Nguyên Trưởng phòng Lao động tiền lương – Bảo hiểm xã hội giai đoạn 1995 – 2014) thuộc tổ 9, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái lập ngày 30/7/2019 (BL 71);

+ Bản phô tô Công văn số: 941/BHXH-TNTKQTHC ngày 13/8/2019 của BHXH tỉnh Yên Bái về việc cung cấp hồ sơ lưu trữ mất sức lao động của ông Nguyễn Đình T (BL 73);

+ Bản phô tô Công văn số: 204/LT-HSHBHXH ngày 16/8/2019 của Trung tâm L3 về việc sao lục hồ sơ của ông Nguyễn Đình T (BL 74);

+ Bản phô tô Công văn số: 995/ LĐTBXH-TTr ngày 21/8/2019 của Sở L tỉnh Yên Bái gửi ông T về việc trả lời đơn của công dân (BL 85, 92, 93);

+ Bản phô tô Báo cáo số: 255/BC-SLĐTBXH ngày 22/8/2019 của Sở L tỉnh Yên Bái về kết quả giải quyết đơn đề nghị của ông Nguyễn Đình T (BL 83, 84);

+ Văn bản giải trình của ông Bùi Tiến L1 (Nguyên Phó giám đốc Sở L tỉnh Yên Bái năm 2011) ngày 19/11/2019 (BL 72);

+ Bản phô tô Quyết định số: 447/QĐ-SLĐTBXH ngày 31/12/2019 của Sở L tỉnh Yên Bái về việc thu hồi và hủy bỏ Văn bản số: 533/LĐTBXH-LĐTL ngày 20/7/2011 của Sở L tỉnh Yên Bái (BL 69);

+ Bản phô tô Công văn số: 1011/ UBND-NV ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh phú Thọ về việc trả lời đơn của ông T (BL 121);

+ Bản phô tô Công văn số: 1663/ TSTCDTW-TTCP ngày 17/10/2022 của Thường trực tiếp công dân Thanh tra Chính phủ (BL 122);

+ Bản chính Báo cáo số: 13/BC-TTr ngày 30/3/2023 của Thanh tra Sở L tỉnh Yên Bái về Kết quả kiểm tra hồ sơ của ông Nguyễn Đình T (BL từ 65 đến 68).

Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 115, 116, 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T đối với: Yêu cầu buộc Sở L tỉnh Yên Bái khôi phục lại Quyết định tuyển dụng (bản chính) về việc ông T được phân công dạy học tại Trường cấp I xã C3, huyện Y do Ủy ban hành chính huyện Y cấp năm 1960, qua đó xác định lại thời gian công tác của ông T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/8/2023, người khởi kiện là ông Nguyễn Đình T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; yêu cầu Yên Bái khôi phục lại quyết định tuyển dụng bản chính về việc ông T được phân công dạy học cấp 1 tại xã T, huyện Y do Uỷ ban hành chính kháng chiến huyện Y cấp năm 1960, đảm bảo quyền lợi cho ông. Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng thấy rằng Thẩm phán được phân công nghiên cứu giải quyết vụ án; HĐXX, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng và đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật Tố tụng hành chính.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đình T nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng pháp luật.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ 157, Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đình T, thấy:

Ông Nguyễn Đình T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái giải quyết buộc Sở L tỉnh Yên Bái khôi phục lại Quyết định tuyển dụng (bản chính) về việc ông T được phân công dạy học tại Trường cấp I tại xã T, huyện Y do Ủy ban hành chính kháng chiến huyện Y cấp năm 1960, qua đó xác định lại thời gian công tác của ông T. Đây là hành vi hành chính có nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T nên theo khoản 1 và khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính thì yêu cầu này thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Thực hiện Công văn số: 98/UBND-VX ngày 17/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, Sở L tỉnh Yên Bái đã có văn bản hướng dẫn ông T xuất trình Quyết định hoặc văn bản phân công, giao nhiệm vụ cho ông tham gia công tác giảng dạy giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1962.

Ngày 20/7/2011, Sở L tỉnh Yên Bái có Văn bản số 533/LĐTBXH-LĐTL trong đó có nội dung: "Sở L đã kiểm tra kỹ hồ sơ gốc của ông nhưng cũng chỉ có bản sao từ năm 1977, không có bản chính. Nguyên nhân là do năm 1978, kho lưu trữ hồ sơ của Ty Thương binh xã hội Hoàng Liên Sơn bị hỏa hoạn nên một số hồ sơ gốc đã bị mất, trong đó có hồ sơ gốc của ông. Vì vậy, Sở không thể tìm được bản quyết định gốc theo đề nghị của ông được". Sau đó, ông Nguyễn Đình T căn cứ vào nội dung văn bản nêu trên để cho rằng Sở L tỉnh Yên Bái làm mất hồ sơ gốc của ông và nhiều lần viết đơn khiếu nại, đề nghị, yêu cầu trả lại hồ sơ của ông.

Những nội dung ông T yêu cầu nêu trên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, các cơ quan chức năng trả lời, hướng dẫn nhiều lần. Tuy nhiên, ông T không đồng ý và tiếp tục đề nghị được giải quyết chế độ với lý do hồ sơ gốc của ông cùng bản chính các văn bản khác đã bị cháy năm 1978 tại kho lưu trữ của Ty Thương binh xã hội tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Về hồ sơ, tài liệu chứng minh thời gian công tác của ông Nguyễn Đình T (trong đó có quyết định tuyển dụng) qua xác minh được thể hiện: Theo hồ sơ

hiện lưu tại Trung tâm L5 thì ông T có 12 năm 07 tháng công tác liên tục (từ tháng 01/1963 đến tháng 5/1975) và ông T được hưởng trợ cấp mất sức lao động từ ngày 01/8/1975 đến ngày 31/3/1982. Tại Báo cáo số 190/BC-UBND ngày 29/8/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Y đã xác định qua kiểm tra xác minh không có hồ sơ lưu chứng minh ông Nguyễn Đình T có tham gia công tác tại sự nghiệp giáo dục và đào tạo huyện Y từ năm 1960 đến năm 1962. Kiểm tra Hồ sơ mất sức lao động của ông T lưu tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái ngày 13/6/2018, kết quả gồm các giấy tờ như sau: Bản sao Phiếu cá nhân do ông T khai tại Hạ Hoà ngày 08/5/1975; Bản sao ngày 27/4/1977 Phiếu cá nhân do ông Nguyễn Đình T khai ngày 10/4/1975 của Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh V; Bản sao ngày 27/4/1977 Giấy chứng nhận khám sức khỏe số 89/GĐYK 68 Ty Thương binh Xã hội tỉnh Vĩnh Phú về việc ông Nguyễn Đình T được về hưu thôi việc vì mất sức lao động kể từ ngày 01/8/1975; Bản chính Quyết định số 154/QĐ-HT-MS ngày 10/02/1982 của Ty Thương binh và Xã hội tỉnh Hoàng Liên Sơn về việc ngừng trợ cấp từ ngày 01/4/1982 đối với ông Nguyễn Đình T. Bản chính Phiếu điều chỉnh trợ cấp số 47/BHXH ngày 09/4/1982 của ông Nguyễn Đình T.

Tại Văn bản số 204/LT-HSHBHXH ngày 16/8/2019 của Trung tâm L5 đã sao và chứng thực hồ sơ của ông Nguyễn Đình T lưu trữ tại Trung tâm L5 gồm bản chính những văn bản sau: Biên bản số 89/HĐYK ngày 12/4/1975 của Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh Vĩnh Phú; kết luận kết quả khám giám định ngày 10-4-1975. Phiếu cá nhân của công nhân, viên chức về thôi việc vì mất sức lao động do ông Nguyễn Đình T làm, ký, ghi rõ họ tên viết tại H ngày 08/5/1975, có chứng nhận của Ủy viên thư ký Nguyễn Long V. Thời gian công tác của ông T là 12 năm 05 tháng, từ ngày 01/01/1963 đến tháng 5/1975. Giấy chứng nhận thời gian nghỉ của cán bộ, giáo viên số 476/CNNO ngày 16/6/1975 của Phòng Giáo dục huyện H, xác nhận số ngày nghỉ của ông T tổng cộng 3 năm 1973, 1974, 1975 ông T nghỉ 15 tháng. Quyết định số 437/BHXH ngày 02/7/1975 của Ty Thương binh Xã hội tỉnh V, quyết định ông Nguyễn Đình T có 12 năm 7 tháng công tác liên tục, được về hưu thôi việc vì mất sức lao động kể từ ngày 01-8-1975.

Mặt khác, tại Phiếu cá nhân của công nhân, viên chức về thôi việc vì mất sức lao động ngày 08/5/1975 (Bút lục số 19), có chứng nhận của Ủy viên thư ký Nguyễn Long V, ông Nguyễn Đình T là người trực tiếp viết, khai, ký tên xác nhận quá trình công tác của ông T là 12 năm 05 tháng, cụ thể: Từ ngày 01/01/1963 đến tháng 12/1966, là giáo viên cấp I, Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Từ tháng 01/1967 đến tháng 8/1969 là giáo viên cấp I xã Đ, huyện H, tỉnh Vĩnh Phú. Từ tháng 9/1969 đến tháng 5/1975 là giáo viên cấp I xã M, huyện H, tỉnh

Vĩnh Phú. Tại thời điểm này, ông T không kê khai quá trình dạy bình dân học vụ ở thôn M, xã T, huyện Y và dạy học ở xã T, huyện Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài lời khai của ông T thì không có chứng cứ nào chứng minh. Do đó yêu cầu của ông T buộc Sở L tỉnh Yên Bái phải khôi phục một văn bản không có trong thực tế là không thể thực hiện được, yêu cầu kháng cáo của ông T là không có cơ sở, không được chấp nhận.

[3] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Đình T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật.

[4] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đình T không được chấp nhận nên phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông T miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Bác kháng cáo của người khởi kiện của ông Nguyễn Đình T; giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

[2]. Về án phí: Ông Nguyễn Đình T không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục THA dân sự tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HSVA; P.HCTP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà